

Thông số kỹ thuật



Loại bơm phổ thông

Model	KDP50B/BE/L/LE	KDP80B/BE/L/LE	KDP100B/BE/L/LE
Đường kính ống xả [mm]	50 (2")	80(3")	100 (4")
Lưu lượng [m³/h]	22	35	40
Cột áp [M]	15	17	19
Thời gian bơm [s/4m]	70	120	180
Khoảng cách bơm hoạt động được [M]	7.0	7.0	7.0
Dung tích lưu lượng [L]	B: Loại bình tiêu chuẩn (2.5L)	B: Loại bình tiêu chuẩn (2.5L)	B: Loại bình tiêu chuẩn (2.5L)
	L: Loại bình lớn (12.5L)	L: Loại bình lớn (12.5L)	L: Loại bình lớn (12.5L)
Model Động cơ	KD170F/FE	KD178F/FE	KD186FA/FAE
Phương thức khởi động	FE: Giật nổ	FE: Giật nổ	FAE: Giật nổ
	FE: Đề điện	FE: Đề điện	FAE: Đề điện
Loại động cơ	1 xilanh, 4 thì, làm mát bằng gió, trực đứng	1 xilanh, 4 thì, làm mát bằng gió, trực đứng	1 xilanh, 4 thì, làm mát bằng gió, trực đứng
Đường kính xilanh [mm]	70*55	78*62	86*72
Mức khí thải [L]	0.211	0.296	0.418
Tỉ số nén	20 : 1	20 : 1	19.5 : 1
Vòng tua [rpm]	3600	3600	3600
Công suất [kW]	2.8	4.0	6.6
Dung tích nhớt [L]	0.75	1.10	1.65
Loại nhiên liệu	0#(hè), -10#(đông) dầu Diesel	0#(hè), -10#(đông) dầu Diesel	0#(hè), -10#(đông) dầu Diesel
Phẩm chất nhớt	SAE10W30 (CD trở lên)	SAE10W30 (CD trở lên)	SAE10W30 (CD trở lên)
Kích thước [mm][L*W*H]	490*410*520	560*455*550	650*470*700
Trọng lượng [kg]	41	49	69